TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

B án số: 19 /2022/DS-PT
Ngày 20-4-2022
V/v tranh chấp ngõ đi chung

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Minh Phương

Các Thẩm phán: Ông Lê A Sơn

Bà Bùi Thị Thuý Hà

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn V Hấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa***: Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2021/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2021 về việc trA chấp ngõ đi chung.

Do B án Dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Toà án nhân dân Hện AD, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2022/QĐ-PT ngày 04 tháng 01 năm 2022 và Quyết định tạm ngừng phiên toà số 03/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Bà Vũ Thị T, sinh năm 1958;

2. A Nguyễn Tiến H, sinh năm 1983;

3. A Nguyễn Tiến P, sinh năm 1985;

Cùng nơi cư trú: Thôn VB, xã TT, Hện AD, thành phố Hải Phòng; bà T có mặt; A H và A P vắng mặt;

Người đại diện hợp pháp của A Nguyễn Tiến H và A Nguyễn Tiến P: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1958; nơi cư trú: Thôn VB, xã TT, Hện AD, thành phố Hải

Phòng (theo Giấy uỷ quyền ngày 10/6/2020 và Đơn đề nghị ngày 19/4/2022); có mặt;

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn V B, sinh năm 1956 và bà Lê Thị V, sinh năm 1959; cùng nơi cư trú: Thôn VB, xã TT, Hện AD, thành phố Hải Phòng; bà V có mặt, ông B vắng mặt;

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn V B: Bà Lê Thị V, sinh năm 1959; cùng nơi cư trú: Thôn VB, xã TT, Hện AD, thành phố Hải Phòng (theo Giấy uỷ quyền ngày 24/7/2020); có mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan*:

1. Ông Nguyễn Tiến H1, sinh năm 1962 (đã chết ngày 24/02/2021);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Tiến H1: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1958; A Nguyễn Tiến H, sinh năm 1983; A Nguyễn Tiến P, sinh năm 1985; cùng nơi cư trú: Thôn VB, xã TT, Hện AD, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của A Nguyễn Tiến H và A Nguyễn Tiến P: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1958; nơi cư trú: Thôn VB, xã TT, Hện AD, thành phố Hải Phòng (theo Giấy uỷ quyền ngày 10/6/2020 và Đơn đề nghị ngày 19/4/2022); có mặt;

2. Chị Đoàn Thị N, sinh năm 1990; chị Vũ Thị L, sinh năm 1984;

Cùng nơi cư trú: Thôn VB, xã TT, Hện AD, thành phố Hải Phòng; đều vắng mặt;

Người đại diện hợp pháp của chị Vũ Thị L và chị Nguyễn Thị N: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1958 (Theo Giấy uỷ quyền ngày 10/6/2020); nơi cư trú: Thôn VB, xã TT, Hện AD, thành phố Hải Phòng; có mặt;

3. A Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1986; A Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1989; A Nguyễn Xuất H, sinh năm 1991; cùng nơi cư trú: Thôn VB, xã TT, Hện AD, thành phố Hải Phòng; đều vắng mặt;

Người đại diện hợp pháp của A Nguyễn Hoàng A, A Nguyễn Hoàng L và A Nguyễn Xuất H: Bà Lê Thị V, sinh năm 1959; cùng nơi cư trú: Thôn VB, xã TT, Hện AD, thành phố Hải Phòng (theo Giấy uỷ quyền ngày 24/7/2020); có mặt;

- *Người kháng cáo:* Bà Vũ Thị T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nhận ngày 20/3/2020; Đơn khởi kiện bổ sung ngày 04 và ngày 29/5/2020; B tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn – bà Vũ Thị T, A Nguyễn Tiến H và A Nguyễn Tiến P; người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan - chị Vũ Thị L, chị Đoàn Thị N thống nhất trình bày:

Ông H1 là chồng của bà T. Ông H1, bà T sinh được hai người con chung là A Nguyễn Tiến H và A Nguyễn Tiến P.Chị L là vợ của A H, còn chị N là vợ của

A P. Năm 1985, gia đình bà T được Nhà nước cấp diện tích đất 502m^2 nằm ở phía trong nên có ngõ đi chung chiều rộng 3,0m và chiều dài là 26,5m. Năm 1994, Uỷ ban nhân dân Hện An Hải cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Vũ Thị T. Ngõ đi chung có vị trí: Phía Bắc giáp hộ ông Quyết, phía Nam giáp hộ ông B; phía Tây giáp trục đường thôn, phía Đông giáp đất nhà bà T. Trước đây ngõ đi chung là đường đất, được ba gia đình sử dụng là gia đình bà T, gia đình ông Quyết và gia đình ông Sơn, còn gia đình ông B không đi ngõ đi chung này. Khoảng năm 1990, gia đình ông Sơn không sử dụng đất, hiến đất cho Chùa Bảo Quang và không còn đi ngõ đi chung này. Cùng năm thì gia đình ông Quyết cũng không đi ngõ này vì đường thôn mở. Ngõ đi chung chỉ còn gia đình bà T cùng vợ chồng A H và A P sử dụng ổn định từ khoảng năm 1990 cho đến nay. Quá trình sử dụng ngõ đi chung, gia đình bà T đã tự tôn tạo, đổ bê tông, làm ngõ sạch đẹp như H nay. Ngõ được tôn tạo theo đúng H trạng năm 1990. Năm 2004 vì điều kiện gia đình phải đi làm ăn xa, gia đình bà T vắng mặt, gia đình ông B phá tường bao cũ, xây tường bao mới đã lấn sang ngõ đi chung 0,7m chiều ngang. Cuối năm 2019, ông B phá tường bao cũ để xây nhà, bà T đã cầm giấy chứng nhận được cấp sang nói cHện với gia đình ông B về việc gia đình ông B đã xây tường bao lấn chiếm diện tích của ngõ đi chung, nhưng ông B không đồng ý mà còn có những lời nói không hay. Bà T đã làm đơn gửi chính quyền địa p đề nghị giải quyết. Uỷ ban nhân dân xã TT đã tiến hành hoà giải nhiều lần nhưng gia đình ông B không hợp tác. Ngày 05/3/2020, ông B có mặt tại buổi hoà giải của xã nhưng không đồng ý. Do vậy nguyên đơn có đơn khởi kiện, đề nghị Toà án buộc ông gia đình ông B phải trả lại diện tích ngõ đi chung cho nguyên đơn, chiều ngang 3,0m, chiều dài 26,5m theo đúng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Nhà nước đã cấp cho bà T. Căn cứ để nguyên đơn khởi kiện là tại trích đo ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà T chiều rộng ngõ đi chung là 3,0m, cụ thể diện tích lấn chiếm là 18,55m^2 (0,7m chiều ngang, chiều dài là 26,5m).

Tại V B ngày 10/6/2020, ngày 15/6/2020, các V B khác và quá trình giải quyết vụ án tại Toà án cấp sơ thẩm, bị đơn là ông Nguyễn V B và bà Lê Thị V; người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan – A Hoàng V L, A Nguyễn Hoàng A, A Nguyễn Xuất H thống nhất trình bày:

Gia đình ông B được Uỷ ban nhân dân Hện An Hải cấp cho diện tích đất thổ cư 888,0m^2, thửa đất số 427, tờ B đồ số 4; địa chỉ: Thôn VB, xã TT, Hện AD theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 28/5/1994 đứng tên chủ sử dụng ông Nguyễn V B. Phía Bắc thửa đất giáp ngõ xóm, H đang có trA chấp. Gia đình ông B sinh sống trên thửa đất này từ năm 1982, sau đó đến hộ ông Quyết, hộ ông Sơn rồi mới đến gia đình bà T. H tại đang sinh sống trên thửa đất của gia đình ông B có vợ chồng ông B, bà V cùng các con trai là A Nguyễn Hoàng A, A Nguyễn Hoàng L và A A Nguyễn Xuất H. Ngõ đi chung được 04 gia đình sử dụng chung. Đến khoảng năm 1988, gia đình ông B xây dựng nhà ở và chỉ sử dụng lối đi ra đường thôn, cạnh giáp ngõ xóm gia đình ông B xây tường bao, nên ngõ xóm chỉ còn 03

gia đình sử dụng là các hộ bà T, ông Sơn và ông Quyết. Sau này ông Quyết cũng xây tường bao nên chỉ có còn hộ bà T và ông Sơn sử dụng ngõ đi chung. Đến khoảng năm 1990 thì hộ ông Sơn hiến toàn bộ diện tích đất cho Chùa Bảo Quang và đi nơi khác sinh sống nên chỉ còn hộ bà T sử dụng ngõ đi này. H trạng sử dụng đất H nay của gia đình ông B thay đổi một phần so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp là vì năm 2002, gia đình ông B có đổi một phần diện tích đất cho Chùa Bảo Quang. Sau khi đổi đất cho Chùa Bảo Quang thì gia đình ông B cũng chưa làm lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2019, gia đình ông B xây dựng nhà mới và xây lại tường bao giáp ngõ xóm hoàn toàn trong khuôn viên tường bao đã xây trước đó, lúc này bà T mới có ý kiến về việc trA chấp ngõ đi và cho rằng gia đình ông B đã xây dựng công trình lấn sang phần diện tích của ngõ đi chung là không đúng nên bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Uỷ ban nhân dân xã cũng đã tiến hành hoà giải nhưng không có kết quả nên đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Với nội dung như trên, tại B án Dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 12/8/2021, Tòa án nhân dân Hện AD, thành phố Hải Phòng đã căn cứ vào các Điều 189, 190, 191 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 203 của Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn V B và bà Lê Thị V phải trả lại phần diện tích ngõ đi chung diện tích là 17,54m^2 (0,7m x 25,05m) và phá dỡ các công trình xây dựng trên phần diện tích đất này.

Ngoài ra, B án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm; tuyên quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/8/2021, bà Vũ Thị T kháng cáo B án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết xác định diện tích ngõ đi chung theo đúng diện tích, kích thước nhà nước đã cấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà T và là người đại diện hợp pháp của A P, A H, chị L, chị N trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Ngày 07/4/2022, Toà án cấp phúc thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định lại H trạng ngõ xóm, xác định chiều rộng của ngõ – phía Đông giáp đường thôn dài 2,14m; phía Tây giáp nhà bà T dài 2,35m; chiều dài ngõ: Phía Nam giáp hộ ông B dài 24,2m; phía Bắc giáp hộ ông Quyết dài 24,65m; diện tích ngõ 52,96m^2. Trích đo H trạng sử dụng đất ngõ đi chung do Toà án cấp sơ thẩm tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/8/2020 đo theo bờ tường cũ thời điểm này hộ ông B chưa xây tường bao H tại. Nay bà T thấy, H trạng kích thước, diện tích ngõ đi chung đo vẽ ngày 07/4/2022 phù hợp với kích thước của ngõ đi chung theo B đồ giải thửa năm 1993 do xã quản lý nên đã đảm bảo quyền của người sử dụng ngõ nên đề nghị Toà án công nhận kích thước, diện tích của ngõ đi chung theo sơ đồ H trạng ngày 07/4/2022.

Bị đơn – bà V đại diện hợp pháp của ông B và các A Hoàng A, L và H nhất trí với quan điểm của bà T, xác nhận kích thước, diện tích của ngõ đi chung đúng như sơ đồ H trạng ngày 07/4/2022. Theo H trạng ngõ đi chung này thì gia đình bà V, ông B xây dựng các công trình không lấn chiếm diện tích ngõ đi chung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành và thực H đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng cáo của nguyên đơn: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ L quan tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Xét thấy, thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa B án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Quan hệ trA chấp của vụ án là trA chấp ngõ đi chung. Do vụ án có kháng cáo nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng – khoản 9 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Quan hệ trA chấp về quyền sử dụng đất không áp dụng thời hiệu khởi kiện nên nguyên đơn có quyền khởi kiện – khoản 3 Điều 155 Bộ luật Dân sự.

- Xét kháng cáo của nguyên đơn – bà Vũ Thị T:

[3] Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00325 không ghi ngày tháng năm (theo lời trình bày của bà T được cấp vào khoảng năm 1993-1994) của Uỷ ban nhân dân Hện An Hải thì bà Vũ Thị T được quyền sử dụng diện tích đất thổ cư là 502m^2 tại thửa số 408, tờ B đồ số 04; địa chỉ xã TT, Hện An Hải (nay là xã TT, Hện AD).

[4] Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00275 ngày 28/5/1994 của Uỷ ban nhân dân Hện An Hải thì ông Nguyễn V B được quyền sử dụng diện tích đất thổ cư 888m^2, tại thửa số 427, tờ B đồ số 04; (địa chỉ xã TT, Hện An Hải (nay là xã TT, Hện AD).

[5] Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/5/1994 của Uỷ ban nhân dân Hện An Hải thì ông Vũ V Quyết được quyền sử dụng diện tích đất thổ cư là 781m^2, tại thửa số 407, tờ B đồ số 04; địa chỉ xã TT, Hện An Hải (nay là xã TT, Hện AD).

[6] Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00410 ngày 28/5/1994 của Uỷ ban nhân dân Hện An Hải thì ông Nguyễn Như Sơn được quyền sử dụng diện tích đất thổ cư là 528m^2, tại thửa số 426, tờ B đồ số 04; địa chỉ xã TT, Hện An Hải (nay là xã TT, Hện AD).

[7] Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ:

[7.1] Diện tích đất H trạng của gia đình bà T: 546,0m^2, tăng so với giấy chứng nhận được cấp là do sử dụng thêm phần diện tích đất là ngõ đi vào thửa đất của ông Sơn.

[7.2] Diện tích đất H trạng của gia đình ông B: 874,0m^2, diện tích đất thay đổi so với giấy chứng nhận được cấp là do có việc hoán đổi đất cho Chùa Bảo Quang.

[8] Ông Quyết và bà T đều xác nhận ông Quyết xây dựng công trình không lấn chiếm diện tích ngõ đi chung.

[9] Theo Sơ đồ H trạng ngày 07/4/2022 thì ngõ đi chung có diện tích 52,96m^2. Kích thước cụ thể: Chiều rộng của ngõ – phía Đông giáp đường thôn dài 2,14m; phía Tây giáp nhà bà T dài 2,35m; chiều dài ngõ: Phía Nam giáp hộ ông B dài 24,2m; phía Bắc giáp hộ ông Quyết dài 24,65m. Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan đều xác định H trạng ngõ xóm đo vẽ ngày 07/4/2022 là đúng.

[10] Căn cứ Công V số 34/CV-UBND ngày 28/6/2021 của Uỷ ban nhân dân xã TT thì: Hồ sơ địa chính lưu tại Uỷ ban nhân dân xã gồm B đồ giải thửa đo đạc năm 1993 thì ngõ H hộ bà T đang sử dụng thể H trên B đồ là ngõ xóm có kích thước: Cạnh phía Đông của ngõ: Giáp đường thôn được tính từ rA giới cạnh chéo cổng ông Quyết sang phía Nam giáp chỉ giới hộ ông B kích thước theo tỷ lệ B đồ rộng 2,1m. Cạnh phía Tây của ngõ: Giáp hộ bà T và ông Sơn được tính từ cạnh chéo bên ngoài phía Nam hộ ông Quyết sang phía Nam giáp chỉ giới hộ ông B kích thước theo tỷ lệ B đồ rộng 2,3m. Như vậy, so với diện tích đất và kích thước H trạng của ngõ đi chung thì hộ ông B không xây dựng các công trình lấn sang phần diện tích ngõ đi chung. Tuy nhiên, B án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng lại xác định chiều rộng của ngõ đi chung phía Đông giáp đường thôn dài 1,95m là chưa chính xác. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan thống nhất xác nhận H trạng ngõ đi chung có diện tích và kích thước đúng như Sơ đồ H trạng ngày 07/4/2022, cụ thể: Diện tích ngõ đi chung là 52,96m^2. Kích thước cụ thể: Chiều rộng của ngõ – phía Đông giáp đường thôn dài 2,14m; phía Tây giáp nhà bà T dài 2,35m; chiều dài ngõ: Phía Nam giáp hộ ông B dài 24,2m; phía Bắc giáp hộ ông Quyết dài 24,65m và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của họ. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, thỏa thuận giữa nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan là hoàn toàn tự nguyện, không vi điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 166, Điều 168 và Điều 170 của

Luật Đất đai nên chấp nhận, cần sửa B án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự - Điều 300; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm và chi phí tố tụng:

[11.1] Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng đã nộp. Bà T, A H và A P mỗi người phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà T là người cao tuổi được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền án phí A H và A P phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 695.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0012614 ngày 01/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Hện AD, thành phố Hải Phòng. Trả lại nguyên đơn 95.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm - khoản 2 Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; Điều 2 của Luật Người cao tuổi.

[11.2] Ông Nguyễn V B, bà Lê Thị V, chị Vũ Thị L, chị Đoàn Thị N, A Nguyễn Hoàng A, A Nguyễn Hoàng L và A Nguyễn Xuất H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[12] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm nên người kháng cáo – bà Vũ Thị T phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng. Tuy nhiên, bà T là người cao tuổi, có đơn xin được miễn tạm ứng, án phí nên miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí dân sự phúc thẩm cho bà T – Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2 của Luật Người cao tuổi.

[13] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản: Nguyên đơn tự nguyện chịu và đã nộp đủ nên không đặt vấn đề giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sửa B án sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 166, Điều 168 và Điều 170 của Luật Đất đai;

Căn cứ vào Điều 148; khoản 2 Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 5 Điều 29; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2 của Luật Người cao tuổi.

Xử:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Bà Vũ Thị T, A Nguyễn Tiến H, A Nguyễn Tiến P; ông Nguyễn V B, bà Lê Thị V; chị Vũ Thị L, chị Đoàn Thị N, A Nguyễn Hoàng A, A Nguyễn Hoàng L, A Nguyễn Xuất H thống nhất xác nhận diện tích, kích thước của ngõ đi chung dẫn vào thửa đất của bà Vũ Thị T có diện tích là 52,96m^2. Kích thước cụ thể: Chiều rộng của ngõ – phía Đông giáp đường thôn dài 2,14m; phía Tây giáp nhà bà T dài 2,35m; chiều dài ngõ: Phía Nam giáp hộ ông B dài 24,2m; phía Bắc giáp hộ ông Quyết dài 24,65m.

(*có sơ đồ kèm theo*)

II. Về án phí:

1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

1.1. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Vũ Thị T.

1.2. A Nguyễn Tiến H và A Nguyễn Tiến P mỗi người phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 695.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0012614 ngày 01/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Hện AD, thành phố Hải Phòng. Trả lại nguyên đơn 95.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

1.3. Ông Nguyễn V B, bà Lê Thị V, chị Vũ Thị L, chị Đoàn Thị N, A Nguyễn Hoàng A, A Nguyễn Hoàng L, A Nguyễn Xuất H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

2. Về án phí phúc thẩm: Miễn tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự phúc thẩm cho bà Vũ Thị T.

B án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND Hện AD;
- Chi cục THADS Hện AD;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Phương